TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2026/QĐST-HNGĐ *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 63/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm T.G, sinh năm 1984; Địa chỉ: 776/67 đường P, phường T, TP. Hồ Chí Minh;

- Bà Lê T.M.Y, sinh năm 1992; Địa chỉ: 776/67 đường P, phường T, TP. Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

[1] Hôn nhân giữa ông Phạm T.G và bà Lê T.M.Y là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2017, ngày 25/4/2017 của Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã T, tỉnh T (nay là Ủy ban nhân dân phường K, TP. H).

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 22/12/2025 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/01/2026, ông Phạm T.G và bà Lê T.M.Y yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung. Sau khi ly hôn, con chung tên Phạm Lê Y.V, sinh ngày 26/11/2017 giao cho ông Phạm T.G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và con chung tên Phạm Lê G.P, sinh ngày 12/9/2021 giao cho bà Lê T.M.Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến khi con trưởng thành. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Phạm T.G và bà Lê T.M.Y tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con nên cần chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm T.G và bà Lê T.M.Y thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2017, ngày 25/4/2017 của Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã T, tỉnh T (nay là Ủy ban nhân dân phường K, TP. H) cấp cho ông Phạm T.G và bà Lê T.M.Y không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung. Sau khi ly hôn các bên thỏa thuận giao cho ông Phạm T.G nuôi dưỡng con tên Phạm Lê Y.V, sinh ngày 26/11/2017. Giao cho bà Lê T.M.Y nuôi dưỡng con tên Phạm Lê G.P, sinh ngày 12/9/2021. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng.

Ông G, bà Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng, một hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Phạm T.G và bà Lê T.M.Y phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Phạm T.G và bà Lê T.M.Y đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 000958 ngày 06/01/2026 tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 7 – TP. Hồ Chí Minh. Ông G, bà Y đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 7 – TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã T, tỉnh T
- (nay là Ủy ban nhân dân phường K, TP. H)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Quốc Việt